

Số: **15**/2017/TT-BTTTT

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

Hà Nội, ngày **23** tháng **6** năm 2017

CÔNG VĂN BẢN

THÔNG TƯ

Số:.....

Ngày....tháng....

Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông, bao gồm:

1. Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông quy định tại Phụ lục 01.

2. Nội dung chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông quy định tại Phụ lục 02.

3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông là tập hợp các chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình và kết quả hoạt động chủ yếu của ngành Thông tin và Truyền thông; là cơ sở để xây dựng chế độ báo cáo thống kê của ngành Thông tin và Truyền thông.

4. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông bao gồm các nhóm chỉ tiêu quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực: Bưu chính; Viễn thông, Internet; Tần số vô tuyến điện; Sản xuất và dịch vụ công nghệ thông tin;

Ứng dụng công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Xuất bản, in và phát hành; Báo chí, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử; Thông tin đối ngoại và Thông tin cơ sở.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm xây dựng, sửa đổi, bổ sung Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông:

a) Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm chủ trì việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung, tổng hợp và chuẩn hóa khái niệm, nội dung, phương pháp tính của các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông đảm bảo phù hợp với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và thông lệ quốc tế.

b) Thủ trưởng các đơn vị có liên quan theo phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm xây dựng khái niệm, nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông và phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính để thực hiện.

2. Trách nhiệm thu thập, tổng hợp và công bố thông tin các chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông:

a) Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu từ các đơn vị có liên quan; tổ chức phổ biến và công bố các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông.

b) Thủ trưởng các đơn vị có liên quan theo phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu được phân công trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông và cung cấp số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông cho Vụ Kế hoạch - Tài chính để phối hợp phổ biến, công bố theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

3. Các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trong ngành Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./. *h*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ; **Cổng Thông tin** điện tử Bộ.
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, KHTC (250).

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn



PHỤ LỤC 01. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ
NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số **45**/2017/TT-BTTTT ngày **23** tháng **6** năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu
	01	Lĩnh vực bưu chính
1	0101	Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính
2	0102	Số doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính
3	0103	Số lao động trong lĩnh vực bưu chính
4	0104	Số điểm phục vụ bưu chính
5	0105	Số điểm bưu điện - văn hóa xã
6	0106	Số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính
	02	Lĩnh vực viễn thông, Internet
7	0201	Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực viễn thông
8	0202	Số doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ viễn thông
9	0203	Số lao động trong lĩnh vực viễn thông
10	0204	Tỷ lệ dân số được phủ sóng di động
11	0205	Số tên miền quốc gia Việt Nam
12	0206	Số địa chỉ Internet
13	0207	Số thành viên địa chỉ Internet
	03	Lĩnh vực tần số vô tuyến điện
14	0301	Số lượng phổ tần số vô tuyến điện được cấp phép cho thông tin di động công cộng
15	0302	Số lượng đài vô tuyến điện phát sóng truyền hình số mặt đất DVB-T/T2
16	0303	Số lượng đài vô tuyến điện phát sóng truyền hình tương tự mặt đất
17	0304	Số lượng đài vô tuyến điện phát sóng phát thanh mặt đất
18	0305	Số lượng đài truyền thanh không dây